# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY VÕ THUẬT CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN

## ASSESSING THE CURRENT STATUS OF MARTIAL ARTS CURRICULUM FOR STUDENTS OF PEOPLE'S SECURITY UNIVERSITY

**TÓM TẮT:** Bài viết sử dụng 07 tiêu chí được nhóm tác giả công bố để đánh giá thực trạng chương trình giảng dạy võ thuật cho học viên Trường Đại học ANND. Kết quả cho thấy qua nhiều giai đoạn Bộ môn QSVT TDTT cũng đã thay đổi nội dung, chương trình giảng dạy võ thuật cho học viên, song những thay đổi này cho đến nay vẫn chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau như: phải theo nội dung chương trình mà ngành qui định; điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng được; nội dung giảng dạy còn nhiều bất cập; thời lượng giảng dạy không đủ đáp ứng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng vận dụng võ thuật của học viên.

**TỪ KHÓA:** Đánh giá, thực trạng, chương trình, võ thuật, Trường Đại học An ninh nhân dân.

**ABSTRACT:** The paper used 07 criteria published by the authors to assess the status of martial arts curriculum for students of the People's Security University. The results show that through many stages the Department of Military Martial Arts and Sports has also changed the content and curriculum of martial arts for students, but these changes have so far not been suitable for the conditions. practical, for many different reasons such as: must follow the program content as regulated by the industry; infrastructure conditions have not been met; teaching content has many shortcomings; The teaching time is not enough to meet the students' improvement in their professional skills and martial arts skills.

**KEYWORDS:** Assessing, current status, program, martial arts, University of People's Security.

**PHẠM CHÍNH TRỰC**
**ĐẶNG HÀ VIỆT**
**NGUYỄN TRẦN HIẾU**

**PHAM CHINH TRUC**
**DANG HA VIET**
**NGUYEN TRAN HIEU**

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển với nhiều tên gọi khác nhau, cho đến tháng 7 năm 2003 Trường mới chính thức trở thành trường đại học độc lập của Ngành Công an với tên gọi Trường ĐH ANND theo Quyết định số 154/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ với nhiệm vụ đào tạo đại học, sau đại học và là một trung tâm nghiên cứu khoa học của Ngành Công an. Trường là một trong những trung tâm đào tạo lớn của lực lượng CAND, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ chiến sỹ tương lai phục vụ sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia với hai ngành chính là: Trinh sát An ninh và Điều tra Hình sự, ngoài ra còn gửi học viên đi đào tạo ngành y theo chỉ tiêu của Bộ Công an...gồm các hệ đào tạo đại học chính qui, liên thông, liên kết đào tạo cho học viên nước ngoài (Campuchia, Lào), với tổng số học viên toàn trường hiện nay là khoảng 2398 người. Nhưng do tình hình thực tế trong giai đoạn hiện nay, có những cơ chế thay đổi và biến động về biên chế ở các đơn vị địa phương, nên việc tuyển sinh hàng năm của trường cũng phải thay đổi theo yêu cầu của bộ và việc phân bổ biên chế ở các tỉnh, thành và khu vực. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 là 175 thí sinh trong khi chỉ tiêu năm 2017 là 200 thí sinh và năm 2016 là 390 thí sinh.

Trường ĐH ANND là một trong những trường đầu ngành của cả nước có nhiệm vụ đào tạo ra đội ngũ cán bộ an ninh có trình độ đại học và sau đại học. Cho nên, ngoài những tri thức khoa học chuyên ngành, học viên còn phải học chương

trình GDTC với 03 học phần 150 tiết (15 tiết lý thuyết và 135 tiết thực hành) tương ứng với 3 học kỳ. Học kì đầu học viên học học phần bắt buộc, học kì 2, 3 học viên học các môn tự chọn. Chương trình môn học GDTC được thực hiện dựa theo chương trình môn học do Tổng cục xây dựng lực lượng của Bộ Công an đề ra. Quyết định số 955/QĐ-X11-X14, ngày 27/6/2006 về việc ban hành chương trình môn học võ thuật dùng cho bậc đại học CAND; Quyết định số 9435/QĐ-X11-X14, ngày 15/11/2010 về việc ban hành chương trình môn học GDTC dùng cho đào tạo trình độ đại học CAND. Bao gồm các nội dung chạy cự ly ngắn 100m; chạy cự ly trung bình 1500m đối với nam và 800m đối với nữ; nhảy cao; nhảy xa; bơi và võ thuật. Trong đó võ thuật đóng một vai trò tương đối đặc biệt quan trọng đối với học viên thuộc khối ngành Công an. Bởi, nó là cơ sở để học viên rèn luyện thể chất, ý chí, kỹ năng khống chế tội phạm và khả năng triệt hạ tội phạm nguy hiểm. Vì vậy, việc tiến hành đánh giá thực trạng chương trình giảng dạy võ thuật cho học viên Trường Đại học An ninh nhân dân là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, phỏng vấn, kiểm tra sư phạm và toán thống kê.

**Khách thể nghiên cứu:** 16 cán bộ, giảng viên và 400 học viên Trường ĐH ANND.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng 07 tiêu chí được nhóm tác giả công bố [6] để đánh giá thực trạng chương trình giảng dạy võ thuật cho học viên Trường Đại học ANND gồm:

Đội ngũ giảng viên giảng dạy;

Cở sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập;

Nội dung, chương trình giảng dạy;

Mức độ phối hợp giữa các đơn vị;

Tính hứng thú học tập môn võ thuật CAND của học viên;

Trình độ thể lực của học viên;

Kết quả học tập môn GDTC.

### 2.1. Thực trạng nội dung, chương trình giảng dạy GDTC của Trường ĐH ANND

Chương trình giảng dạy GDTC của Trường ĐH ANND được phân làm 03 học phần bao gồm:

- Học phần Giáo dục thể chất: Học viên được học điền kinh với các nội dung chạy cự ly ngắn 100m; chạy cự ly trung bình 800m đối với nữ, 1500m đối với nam và nhảy xa; bơi lội.

- Học phần Võ thuật Công an nhân dân 1: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về võ thuật; các kỹ thuật di chuyển; các kỹ thuật phòng thủ và tấn công cơ bản bằng tay, chân; võ tổng hợp các bài 25, 38, 44 động tác.

- Học phần Võ thuật Công an nhân dân 2: Trang bị cho học viên hiểu và xác định được những vị trí hiểm yếu trên cơ thể con người; kỹ năng đánh bắt đối phương bất ngờ; kỹ thuật gỡ và đánh bắt lại khi bị đối phương giữ, khóa; kỹ thuật đánh bắt khi đối phương sử dụng hung khí như dao, súng ngắn...

Võ thuật là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành trong chương trình khung giáo dục đại học nhóm ngành khoa học an ninh, có quan hệ chặt chẽ với môn học giáo dục quốc phòng, GDTC và các môn học cơ bản, cơ sở khác. Qua đó giúp học viên nắm được vị trí, tính chất, yêu cầu tập luyện và nguyên tắc sử dụng võ thuật CAND nhằm phát triển thể chất, năng khiếu; trang bị cho học viên một số kiến thức cơ bản trong tập luyện võ thuật; nắm được các kỹ-chiến thuật đánh bắt đối phương; kỹ năng vận động, phương pháp tự tập luyện nâng cao và tăng cường phản xạ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo người cán bộ CAND có đầy đủ các phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, bản lĩnh chiến đấu, tinh thần dũng cảm, mưu trí, tác phong nhanh nhẹn và phát triển hài hòa về thể chất.

Tuy nhiên qua nhiều giai đoạn khác nhau chương trình học GDTC nói chung cũng như võ thuật nói riêng đã có nhiều thay đổi cả về nội dung lẫn số tiết giảng dạy, điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến kỹ năng thực hành và sử dụng võ thuật của học viên.

Qua bảng 1 có thể thấy, từ năm 2005 đến 2017 chương trình học võ thuật của trường đã có 03 lần thay đổi về số tiết giảng dạy. Ở giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014, tổng số tiết cho 2 học phần, mỗi học

**BẢNG 1. THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY VÕ THUẬT CỦA TRƯỜNG ĐH ANND**

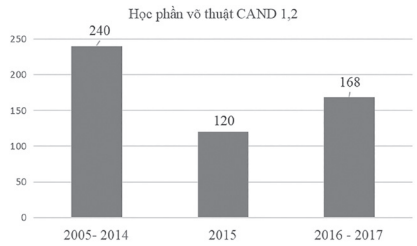
| CÁC GIAI ĐOẠN (NĂM) | TÊN HỌC PHẦN | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Võ thuật CAND 1 | | | | | Võ thuật CAND 2 | | | | |
| | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Lý thuyết | Thực hành | Tự tập | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Lý thuyết | Thực hành | Tự tập |
| 2005- 2014 | 04 | 120 | 06 | 114 | 0 | 04 | 120 | 0 | 120 | 0 |
| 2015 | 02 | 60 | 05 | 55 | 0 | 02 | 60 | 05 | 55 | 0 |
| 2016 - 2017 | 02 | 84 | 04 | 80 | 47 | 02 | 84 | 04 | 80 | 51 |

*(Nguồn: Đề cương chi tiết học phần võ thuật, Trường ĐH ANND)*

phần 120 tiết, nhưng chỉ dạy 06 tiết lý thuyết ở học phần 1; đến giai đoạn năm 2015 thì tổng số tiết lại giảm đi 50%, chỉ còn 120 tiết cho 2 học phần, nhưng có đến 10 tiết lý thuyết chia đều cho học phần 1 và học phần 2; đến giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2017 thì lại có sự thay đổi theo chiều hướng tăng về số giờ thực hành với tổng số 168 giờ và cộng thêm 98 giờ các học viên tự học.

Về nội dung giảng dạy cũng có sự thay đổi, có những nội dung đã bị bỏ đi và cũng có thêm vào những nội dung mới. Việc thay đổi nội dung chương trình liên tục như vậy, xét về ưu điểm nó phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn cụ thể, nhưng như vậy cũng gây khó khăn cho kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết, giáo án đều phải thay đổi...

Nhưng có một điều rất bất cập về thời gian học các môn GDTC nói chung cũng như môn võ thuật CAND nói riêng tại Trường ĐH ANND là hình thức học liên tục dứt điểm. Có nghĩa là mỗi môn sẽ được học liên tục trong vòng 01 đến 03 tuần là kết thúc (mỗi ngày 8 tiết, sáng 4 tiết, chiều 4 tiết, học từ thứ 2 đến thứ 6). Như vậy, học viên luôn luôn phải học nắm bắt




**BIỂU ĐỒ 1. TỔNG SỐ TIẾT DẠY VÕ THUẬT QUA CÁC GIAI ĐOẠN (NĂM)**

cái mới, rất khó có thời gian để ôn luyện, hoàn thiện kỹ thuật cũng như tập luyện để duy trì và nâng cao thể lực.

Qua nhận xét, đánh giá của một số cán bộ giảng viên và học viên trong trường về những vấn đề có liên quan đến chương trình võ thuật CAND đang áp dụng giảng dạy cho thấy: Riêng ở nội dung câu hỏi 1: Đối với cán bộ, giảng viên có 56.25% ý kiến đánh giá rất quan tâm; 31.25% ý kiến đánh giá quan tâm và 12.5% ý kiến đánh giá bình thường. Đối với với học viên sự đánh giá này cũng tương đồng với ý kiến đánh giá của cán bộ, giảng viên, ở mức rất quan tâm có 55.75% chọn; ở mức quan tâm có 32.25% chọn và mức bình thường chỉ có 12% chọn. Từ nội dung câu hỏi thứ 2 đến câu hỏi thứ 8 thì sự đánh giá ở mức bình thường và mức không phù hợp chiếm tỉ lệ khá cao ở hai nhóm được phỏng vấn (trên 50% ý kiến đánh giá).

So sánh kết quả phỏng vấn giữa nhóm cán bộ, giảng viên và nhóm học viên về mức độ đánh giá nội dung chương trình môn học võ thuật CAND tại Trường ĐH ANND bằng kiểm định Chi-Square, kết quả cho thấy không có sự khác biệt với Asymp. Sig. (2-sided) từ 0.973-0.998>0.05.

Như vậy, kết quả phỏng cho thấy đa số cán bộ, giảng viên và học viên phần nhiều đều cho rằng nội dung chương trình võ thuật CAND hiện tại là chưa thực sự phù hợp với người học. Vì thế, khi đánh giá hiệu quả chương trình thì có đến 81.25% ý kiến cán bộ, giảng viên và 82.25% ý kiến của học viên chỉ đánh giá ở mức bình thường và không hiệu quả.

### 2.2. Thực trạng mức độ hứng thú của học viên học chương trình võ thuật CAND

Khi đánh giá mức độ hứng thú của học viên Trường ĐH ANND tham gia học chương trình võ thuật CAND, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 400 học viên các khóa đã hoàn thành môn này. Phỏng vấn được thiết lập với 05 mức độ là: (5) rất hứng thú, (4) hứng thú, (3) bình thường, (2) không hứng thú và (1) rất không hứng thú.

**BẢNG 2. ĐÁNH GIÁ CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN VỀ THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH VÕ THUẬT CAND**

| CÂU HỎI | NỘI DUNG | MỨC ĐỘ | n=16 GV | TỈ LỆ (%) | n=400 SV | TỈ LỆ (%) | ASYM.SIG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Theo đồng chí, sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với chương trình môn học? | Rất quan tâm | 9 | 56.25 | 223 | 55.75 | .998 |
| | | Quan tâm | 5 | 31.25 | 129 | 32.25 | |
| | | Bình thường | 2 | 12.5 | 48 | 12.00 | |
| | | Không quan tâm | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| | | Rất không quan tâm | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| 2 | Theo đồng chí, chương trình võ thuật CAND hiện nay có phù hợp? | Rất phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .984 |
| | | Phù hợp | 3 | 18.75 | 71 | 17.75 | |
| | | Bình thường | 6 | 37.50 | 157 | 39.25 | |
| | | Không phù hợp | 7 | 43.75 | 172 | 43.00 | |
| | | Rất không phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| 3 | Theo đồng chí, nội dung võ thuật đang giảng dạy cho học viên theo chương trình hiện tại có đáp ứng với yêu cầu thực tế không? | Rất đáp ứng | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .973 |
| | | Đáp ứng | 5 | 31.25 | 121 | 30.25 | |
| | | Bình thường | 4 | 25.00 | 108 | 27.00 | |
| | | Không đáp ứng | 7 | 43.75 | 171 | 42.75 | |
| | | Rất không đáp ứng | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| 4 | Theo đồng chí, việc sắp xếp thời gian học liên tục như hiện nay có phù hợp không? | Rất phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .992 |
| | | Phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| | | Bình thường | 5 | 31.25 | 122 | 30.5 | |
| | | Không phù hợp | 8 | 50.00 | 208 | 52.00 | |
| | | Rất không phù hợp | 3 | 18.75 | 70 | 17.50 | |
| 5 | Theo đồng chí, việc phân phối thời lượng như hiện nay có phù hợp không? | Rất phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .991 |
| | | Phù hợp | 5 | 31.25 | 129 | 32.25 | |
| | | Bình thường | 3 | 18.75 | 72 | 18.00 | |
| | | Không phù hợp | 6 | 37.50 | 149 | 37.25 | |
| | | Rất không phù hợp | 2 | 12.50 | 50 | 12.5 | |
| 6 | Theo đồng chí áp dụng test đánh giá như hiện nay cho học viên có phù hợp không? | Rất phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .994 |
| | | Phù hợp | 5 | 31.25 | 120 | 30.00 | |
| | | Bình thường | 7 | 43.75 | 178 | 44.50 | |
| | | Không phù hợp | 4 | 25.00 | 102 | 25.50 | |
| | | Rất không phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| 7 | Theo đồng chí, số lượng học viên/lớp như hiện nay có phù hợp không? | Rất phù hợp | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .998 |
| | | Phù hợp | 3 | 18.75 | 78 | 19.50 | |
| | | Bình thường | 5 | 31.25 | 122 | 30.50 | |
| | | Không phù hợp | 6 | 37.50 | 145 | 36.25 | |
| | | Rất không phù hợp | 2 | 12.50 | 55 | 13.75 | |
| 8 | Đồng chí có nhận xét gì về thái độ của học viên khi học chương trình võ thuật hiện nay? | Rất tích cực | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .992 |
| | | Tích cực | 4 | 25.00 | 104 | 26.00 | |
| | | Bình thường | 7 | 43.75 | 166 | 41.5 | |
| | | Không tích cực | 5 | 31.25 | 130 | 32.5 | |
| | | Rất không tích cực | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |
| 9 | Đồng chí có đánh giá gì về hiệu quả chương trình hiện tại? | Rất hiệu quả | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | .983 |
| | | Hiệu quả | 3 | 18.75 | 71 | 17.75 | |
| | | Bình thường | 7 | 43.75 | 172 | 43.00 | |
| | | Không hiệu quả | 6 | 37.50 | 157 | 39.25 | |
| | | Rất không hiệu quả | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 | |

**BẢNG 3. THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ HỨNG THÚ CỦA HỌC VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH VÕ THUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN**

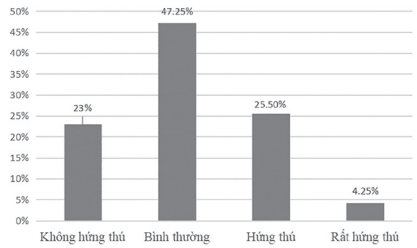
| TT | MỨC ĐỘ | TẦN XUẤT | PHẦN TRĂM (%) | PHẦN TRĂM HỢP LỆ (%) | PHẦN TRĂM TÍCH LŨY (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Không hứng thú | 92 | 23.0 | 23.0 | 23.0 |
| 2 | Bình thường | 189 | 47.25 | 47.25 | 70.25 |
| 3 | Hứng thú | 102 | 25.5 | 25.5 | 95.75 |
| 4 | Rất hứng thú | 17 | 4.25 | 4.25 | 100 |
| Tổng | | 400 | 100 | 100 | |

Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy, đánh giá về mức độ hứng thú của học viên đối với chương trình môn học võ thuật CAND thì có 17 người cho rằng rất hứng thú, chiếm tỉ lệ 4.25%; có 102 người cho rằng hứng thú, chiếm tỉ lệ 25.5% và có đến 281 người đánh giá ở mức bình thường và không hứng thú, chiếm tỉ lệ 70.25%. Như vậy đã cho thấy, chương trình võ thuật CAND hiện đang áp dụng giảng dạy cho học viên thực sự chưa đem lại hiệu quả cao, học viên ít có hứng thú với chương trình võ thuật hiện tại.

## 2.3. Thực trạng về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ cho học tập chính khóa và các hoạt động ngoại khóa TDTT của Trường ĐH ANND được giao cho phòng Quản trị Thiết bị quản lí, cho nên mọi kế hoạch học tập, hoạt động ngoài giờ đều phải thông qua cơ quan quản lí này, đây cũng là vấn đề tương đối khó khăn cho các hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên, Bộ môn QSVT TDTT và học viên không được chủ động khi sử dụng các sân bãi, dụng cụ TDTT của nhà trường.




**BIỂU ĐỒ 2. THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ HỨNG THÚ CỦA HỌC VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH VÕ THUẬT CAND**

Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ cho học tập và các hoạt động TDTT bao gồm:

- Sân bãi: đường chạy 100m; đường chạy 800m, 1500m là sân trường; 01 hố nhảy xa; 01 sân tập võ, diện tích 150m2; 10 sân cầu lông; 02 sân tennis ngoài ra còn có một nhà thi đấu đa năng với diện tích 1000m2, nhưng các môn học ít được đưa vào nhà thi đấu đa năng. Bên cạnh đó nhà trường cũng trang bị thêm các trang thiết bị dùng để tập luyện ngoại khóa được gắn trong khuôn viên trường.

- Dụng cụ: đồng hồ bấm giờ, hộp xuất phát lệnh, các macket dùng cho khởi động, các bàn đạp xuất phát, thẻ về đích…

Qua kết quả khảo sát và thống kê ở bảng 4 cho thấy: Sân bãi, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động TDTT chính khóa lẫn ngoại khóa tương đối đáp ứng được nhu cầu học tập và rèn luyện của học viên về mặt cơ bản. Nhưng thực tế thì các sân bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá mini thuộc nhà thi đấu đa năng, nên ít khi được sử dụng. Vì vậy, đã xảy ra tình trạng thiếu sân chơi và học tập cho học viên. Đánh giá về chất lượng các sân (chất lượng được đánh giá theo qui chuẩn xây dựng, thời gian sử dụng bảo trì, mặt sân sân, ánh sáng,…) hiên tại thì chỉ có 02 sân tennis mới xây dựng nên các thiết bị trong sân cũng như mặt sân còn tốt, nhưng 02 sân này chỉ dành cho cán bộ giảng viên tập luyện, còn các sân còn lại qua thời gian đã xuống cấp nhưng đến nay vẫn chưa tu bổ sửa chữa.

## 2.4. Thực trạng về đội ngũ giảng viên bộ môn QSVT TDTT của Trường ĐH ANND

Giảng viên và các bộ quản lý trực tiếp môn học có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng nội dung chương trình giảng dạy; định hướng đầu ra sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế; tạo được niềm đam mê, hứng thú trong học tập của học viên; đặc biệt là người thầy dạy võ phải nắm bắt và phán đoán được những tình huống, diễn biến phức tạp trong truy đuổi và đánh bắt đối phương; là một bộ phận của giáo dục đào tạo. Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ giảng viên bộ môn QSVT

**BẢNG 4. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG TDTT CỦA TRƯỜNG ĐH ANND**

| STT | LOẠI SÂN | TRONG NHÀ | NGOÀI TRỜI | CHẤT LƯỢNG | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tốt | TB | Kém |
| 1 | Nhà thi đấu đa năng | 1 | 0 | | x | |
| 2 | Đường chạy ngắn | | 1 | | | x |
| 3 | Đường chạy trung bình | | 1 | | | x |
| 4 | Sân bóng đá mini | 1 | 0 | | x | |
| 5 | Sân bóng chuyền | 1 | 0 | | x | |
| 6 | Sân bóng rổ | 1 | 0 | | x | |
| 7 | Sân tennis | | 2 | x | | |
| 8 | Hồ bơi | 0 | 0 | | | |
| 9 | Sân cầu lông | | 10 | | x | |
| 10 | Sân tập võ | 1 | | | x | |
| 10 | Thiết bị môn điền kinh | | | | x | |

*(Nguồn: Tác giả khảo sát)*

**BẢNG 5. THỰC TRẠNG VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN BỘ MÔN QSVT TDTT CỦA TRƯỜNG ĐH ANND**

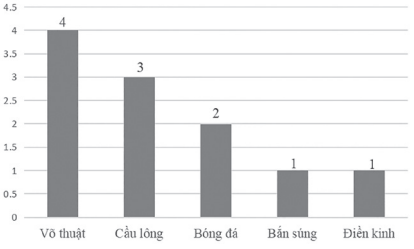
| SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN | TRÌNH ĐỘ | | | THÂM NIÊN CÔNG TÁC (NĂM) | | | TỔNG SỐ HỌC VIÊN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Cử nhân | ≤10 | ≥10 | ≥20 | |
| 11 | 0 | 7 | 4 | 2 | 8 | 1 | 2398 |

*(Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2020)*

TDTT của Trường ĐH ANND được trình bày qua bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: Đội ngũ giảng viên GDTC của trường chưa được nâng cao triệt để về trình độ chuyên môn theo chuẩn qui định của bộ GD&ĐT, trong 11 giảng viên chỉ có 07 người đạt trình độ thạc sĩ, chiếm tỉ lệ 63.63%, trong khi đó có tới 04 người vẫn còn ở trình độ cử nhân, chiếm tỉ lệ 36.36%. Thâm niên công tác cũng có sự khác biệt, có 02 giảng viên có thâm niên dưới 10 năm; 08 giảng viên có thâm niên từ 10 đến 20 năm và có 01 giảng viên có thâm niên công tác trên 20 năm. Theo điều 54 của Luật giáo dục đại học, số 43/2019/QH14 có qui định "Trình độ chuẩn của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ trở lên. Trường hợp đặc biệt ở một số ngành chuyên môn đặc thù do Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo quy định".

Chuyên ngành đào tạo của các giảng viên GDTC với nhiều ngành khác nhau như: võ thuật có 04 giảng viên; cầu lông 03 giảng viên; bóng đá có 02 giảng viên; bắn súng 01 giảng viên và điền kinh có 01 giảng viên. Từ đó cho thấy có nhiều bất cập trong đào tạo và công tác tuyển dụng, theo chương trình học chính khóa thì chỉ có điền kinh, bơi và võ thuật. Nhưng trong đội ngũ giảng viên không có người dạy bơi và giảng viên dạy võ thuật cũng tương đối ít, mặc dù võ thuật là môn học coi như bắt buộc của ngành ANND.




**BIỂU ĐỒ 3. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN CỦA CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH**

Xét về tỉ lệ chung, hiện tại trường có tổng cộng 11 giảng viên GDTC tương ứng với 2398 học viên toàn trường, thì tỉ lệ 1giảng viên/218 học viên này cũng tương đối đáp ứng được theo yêu cầu qui chuẩn của Bộ (1/300).

Về chế độ chính sách, tiền lương cho giảng viên: chế độ chính sách, tiền lương hợp lý là một trong những vấn đề cốt lõi, thúc đẩy người lao động hăng say làm việc, phấn đấu hết mình để đạt được hiệu quả cao nhất.

Đối với giảng viên dạy GDTC-QS của trường thì ngoài các chế độ tiền lương theo qui định chung các giảng viên còn được hỗ trợ một số vật dụng theo đặc thù chuyên môn như: mỗi năm một giáo viên được

**BẢNG 6. MỨC ĐỘ PHỐI HỢP GIỮA BỘ MÔN QSVT TDTT VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG TRƯỜNG (n = 15)**

| ĐƠN VỊ | NỘI DUNG | MỨC ĐỘ | TẦN XUẤT | PHẦN TRĂM (%) | PHẦN TRĂM HỢP LỆ (%) | PHẦN TRĂM TÍCH LŨY (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ban Giám hiệu | Xin chủ trương, chính sách | Bình thường | 2 | 13.3 | 13.3 | 13.3 |
| | | Tốt | 4 | 26.7 | 26.7 | 40.0 |
| | | Rất tốt | 9 | 60.0 | 60.0 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng Đào tạo | Quản lý chương trình; sắp xếp lịch dạy; quản lý điểm | Bình thường | 1 | 6.7 | 6.7 | 6.7 |
| | | Tốt | 3 | 20.0 | 20.0 | 26.7 |
| | | Rất tốt | 11 | 73.3 | 73.3 | 100.0 |
| | | Total | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng CTSV | Hỗ trợ, tư vấn, quản lý, định hướng cho học viên | Bình thường | 3 | 20.0 | 20.0 | 20.0 |
| | | Tốt | 6 | 40.0 | 40.0 | 60.0 |
| | | Rất tốt | 6 | 40.0 | 40.0 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng TCCB | Quản lý hồ sơ; thẩm định văn bằng | Bình thường | 2 | 13.3 | 13.3 | 13.3 |
| | | Tốt | 5 | 33.3 | 33.3 | 46.7 |
| | | Rất tốt | 8 | 53.3 | 53.3 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng QTTB | Quy hoạch, sửa chữa, đầu tư xây dựng CSVC | Bình thường | 3 | 20.0 | 20.0 | 20.0 |
| | | Tốt | 6 | 40.0 | 40.0 | 60.0 |
| | | Rất tốt | 6 | 40.0 | 40.0 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng NCKH | Hỗ trợ, định hướng NCKH; tổ chức hội thảo khoa học | Bình thường | 4 | 26.7 | 26.7 | 26.7 |
| | | Tốt | 8 | 53.3 | 53.3 | 80.0 |
| | | Rất tốt | 3 | 20.0 | 20.0 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Phòng Tài vụ | Các chi phí hoạt động; học phí, bảo hiểm... | Bình thường | 4 | 26.7 | 26.7 | 26.7 |
| | | Tốt | 7 | 46.7 | 46.7 | 73.3 |
| | | Rất tốt | 4 | 26.7 | 26.7 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |
| Đoàn TN, Hội SV | Các hoạt động đoàn, hội; hỗ trợ phát triển các kỹ năng mềm... | Bình thường | 4 | 26.7 | 26.7 | 26.7 |
| | | Tốt | 9 | 60.0 | 60.0 | 86.7 |
| | | Rất tốt | 2 | 13.3 | 13.3 | 100.0 |
| | | Tổng | 15 | 100.0 | 100.0 | |

*(Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2020)*

cấp 02 đôi giày bata, 02 bộ quần áo dạy thể thao, 01 còi. Một số chế độ về văn phòng phẩm, trang thiết bị dạy học, phục vụ biên soạn giáo án, đề cương, chương trình cũng được hưởng theo quy định chung và theo đề xuất của đơn vị.

### 2.5. Tình hình phối hợp giữa bộ môn QSVT TDTT với các đơn vị trong Trường

Sự chỉ đạo định hướng của ban lãnh đạo nhà trường cũng như sự phối hợp hỗ trợ giữa các đơn vị trong trường với nhau có ý nghĩa rất quan trọng trong xây dựng chương trình học, đảm bảo các điều kiện cơ bản nhất đáp ứng được nhu cầu, động cơ học tập của học viên.

Để đánh giá mức độ phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trực tiếp đến chương trình học GDTC chất cũng như chương trình võ thuật CAND của học viên Trường ĐH ANND,

**BẢNG 7. THỰC TRẠNG THỂ LỰC VÀ KỸ THUẬT CỦA NAM HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐH ANND (n=100)**

| NHÓM | TEST | $\bar{x}$ | SD | Cv% |
|---|---|---|---|---|
| Thể lực chung | Chống đẩy (lần) | 35.01 | 2.54 | 7.27 |
| | Bật xa tại chỗ (mét) | 2.38 | 0.14 | 5.77 |
| | Chạy 100m (s) | 14.62 | 0.70 | 4.79 |
| | Chạy 1500m (phút) | 6.83 | 0.31 | 4.58 |
| Kỹ thuật | Đấm thẳng tay sau 30s (lần) | 35.72 | 2.28 | 6.38 |
| | Đấm thẳng tay trước 30s (lần) | 36.64 | 1.63 | 4.57 |
| | Đấm móc 30s (lần) | 45.32 | 2.23 | 4.92 |
| | Đá vòng chân sau 30s (lần) | 26.28 | 1.31 | 4.98 |
| | Đạp thẳng chân sau 30s (lần) | 27.1 | 1.57 | 5.60 |
| | Đạp ngang chân sau 30s (lần) | 25.88 | 1.34 | 5.16 |
| | Quật qua hông 30s (lần) | 13.75 | 1.58 | 11.47 |
| | Quật qua vai 30s (lần) | 11.12 | 1.08 | 9.75 |

**BẢNG 8. XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NAM HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐH ANND**

| | ĐIỂM SỐ | | | | | | TỔNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | <5.00 | 5.00 | 6.00 | 7.00 | 8.00 | 9.00 | |
| n | 9 | 11 | 23 | 37 | 16 | 4 | 100 |
| % | 9.0 | 11.0 | 23.0 | 37.0 | 16.0 | 4.0 | 100 |

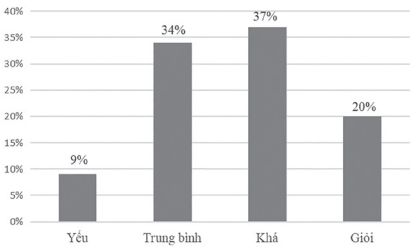
*Ghi chú: Loại xuất sắc > 9 điểm; Loại giỏi từ 8 - 9 điểm; Loại khá từ 7 - <8 điểm; Loại trung bình từ 5 - < 7 điểm; Loại yếu < 5 điểm.*

nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 15 cán bộ, giảng viên bộ môn QSVT TDTT của trường về những vấn đề có liên quan đến môn học. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Từ kết quả ở bảng 6 cho thấy: Tất cả các nội dung đều được đánh giá cao ở mức tốt và rất tốt (73.3-93.3%), cao nhất là phối hợp với Phòng Đào tạo để "Quản lý chương trình; sắp xếp lịch dạy, quản lý điểm", mức bình thường chiếm từ 6.7-26.7%.

## 2.6. Thực trạng thể lực và kỹ thuật của nam học viên Trường ĐH ANND

Để đánh gia thực trạng thể lực, kỹ thuật và phân loại thể lực cho học viên Trường ĐH ANND, nghiên cứu đã tổ chức lấy số liệu ban đầu là các học




**BIỂU ĐỒ 4. XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GDTC CỦA NAM HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐH ANND**

viên sau khi đã hoàn thành xong chương trình học GDTC theo qui định của trường, được trình bày thông qua bảng 7.

Kết quả bảng 7 cho thấy: Kết quả kiểm tra các test khá đồng đều (Cv%<10%) trừ test quật qua hông là có hệ số biến sai Cv%>10 (Cv%=11.47). Nghiên cứu tiến hành phân loại thể lực nam học viên Trường ĐH ANND theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng CAND, số 24/2013/TT-BCA, ngày 11/04/2013 của Bộ Công an, bao gồm 04 test: chạy 100m; chạy 1500m; bật xa tại chỗ; nằm sấp chống đẩy. Kết quả phân loại thể lực của nam học viên sau khi học xong chương trình GDTC ở bảng 8 cho thấy: ở test chạy 100m có 15 học viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 15%; ở test chạy 1500m có 05 học viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 5%; ở test BXTC có 11 học viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 11% và test nằm sấp chống đẩy chỉ có 01 học viên chưa đạt, chiếm tỉ lệ 1%. Thông qua kiểm tra bảng thành tích của học viên cũng nhận thấy không có em nào chưa đạt quá 01 nội dung trong 04 nội dung kiểm tra đánh giá đã nêu ở trên. Như vậy trong tổng số 100 học viên được kiểm tra 04 nội dung thì có tổng số 32 người chưa đạt chiếm tỷ lệ 32% (theo qui định trong 04